

DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ - NHÌN TỪ TÂM LÝ HỌC SÁNG TẠO

PHẠM CAO QUỶ*

TÓM TẮT

Sáng tạo là hoạt động có mục đích của con người mang tính xã hội, nhằm tạo ra những sản phẩm vật chất hoặc tinh thần. Theo đó, chuỗi chu trình khép kín: thực hành - trao truyền - thực hành di sản văn hóa phi vật thể cũng là một quá trình gắn liền với nhu cầu sáng tạo của cá nhân và cộng đồng. Từ nhận thức này, bài viết bước đầu đề cập tới cơ chế bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể từ góc độ tâm lý học sáng tạo.

Từ khóa: di sản văn hóa phi vật thể; tâm lý học sáng tạo.

ABSTRACT

Creativity is the purposeful activity of social man, to create physical products or spirit. Accordingly, the chain closed cycle: practice - transmissions - practice cultural heritage intangible is a process associated with the creative needs of individuals and communities. From this perspective, the paper refers to the initial protection mechanism and promote the value of intangible cultural heritage from the perspective of creative psychology.

Key words: Intangible cultural heritage, Creative psychology.

Theo định nghĩa của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO): "Di sản văn hóa phi vật thể" được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác. Di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời, hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người¹. Theo *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*: "Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác"².

Xét về nội hàm của khái niệm này, di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là những truyền thống văn hóa do các thế hệ trước kế thừa, lưu giữ, thực hành, sáng tạo và truyền lại cho thế hệ mai sau. Di sản văn hóa phi vật thể thường được thực hành không đơn độc mà có tính tương tác giữa những cá nhân, nhóm người khác nhau thông qua tiếp nhận và trao truyền từ đời này sang đời khác, thích nghi với môi trường xung quanh và hình thành trong mỗi cá nhân, nhóm, tộc người ý thức về bản sắc và sự kế tục, kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai; góp phần nhận diện và tạo ra sự gắn bó, khuyến khích ý thức về bản sắc và trách nhiệm để khẳng định cá nhân hoặc cộng đồng nhỏ thuộc về một cộng đồng lớn hơn và toàn xã hội. Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hóa vật thể (như di tích, hiện vật bảo tàng...) và di sản văn hóa phi vật thể (các truyền thống và biểu đạt sống do thế hệ trước truyền lại cho con cháu, ví dụ như các truyền thống truyền khẩu, nghệ thuật biểu diễn, tập quán xã hội, nghi thức, lễ hội, tri thức và các tập tục liên quan tới thiên nhiên và vũ trụ hoặc những tri thức và kỹ thuật chế tác các sản phẩm thủ công truyền thống). Mặc dù những giá trị phi vật thể có thể vô hình - không cầm hay chạm vào được, nhưng chúng có vai trò rất quan trọng đối với di sản văn hoá của chúng

* *Cục Di sản văn hóa*

ta. Con người đóng vai trò chủ chốt trong việc sáng tạo và truyền giữ di sản văn hoá phi vật thể. Tất cả thành viên trong các cộng đồng là những người cùng sáng tạo, gìn giữ và truyền dạy di sản văn hoá phi vật thể³.

Di sản văn hoá phi vật thể tồn tại dưới nhiều hình thức, linh hoạt và bất định. Nó nằm trong con người và chỉ được nhận diện khi được con người thể hiện ra bên ngoài bằng hoạt động, sản phẩm cụ thể. Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể không thể là hoạt động làm “đóng băng” di sản, hay coi di sản văn hoá phi vật thể chỉ là di sản mà quên mất đặc tính - di sản luôn sống trong đời sống đương đại, luôn đồng hành với cuộc sống của con người và luôn biến đổi, được sáng tạo nhưng cũng bị loại trừ khi không còn phù hợp với đời sống hoặc mất đi cùng với sự mất đi của người nắm giữ. Ở góc độ này, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể chính là việc bảo vệ con người, tạo ra các điều kiện tốt nhất để con người (nghệ nhân, người thực hành) có điều kiện tốt nhất để thực hành di sản văn hoá phi vật thể mà mình đang nắm giữ. Điều kiện đó là: sức khỏe, điều kiện sống, môi trường thực hành, sáng tạo và truyền dạy,...

Trong giai đoạn hiện nay, quan điểm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể ở nước ta nói riêng và nhiều nước trên thế giới nói chung, đang có những dịch chuyển nhất định cả về phương diện lý luận và nhận thức. Từ việc thời gian qua tập trung cho việc sưu tầm, tư liệu hóa, thì nay đang có xu hướng bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể tại cộng đồng, tạo môi trường để di sản văn hoá phi vật thể sống tại cộng đồng. Quan điểm này không mới, nhưng chưa được quan tâm đúng mực. Nếu hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể tại cộng đồng làm cho di sản sống trong đời sống của cộng đồng và có những đóng góp thực sự vào việc phát triển văn hóa, kinh tế của cộng đồng, thì vai trò sáng tạo, thực hành và chuyển giao của nghệ nhân, người thực hành di sản văn hoá phi vật thể được phát huy tối đa.

Khi di sản văn hoá phi vật thể gắn với con người, cộng đồng đang nắm giữ nó thì việc sáng tạo, thực hành di sản văn hoá phi vật thể phụ thuộc rất lớn vào tâm lý của cá nhân và cộng đồng. Theo đó, nếu tâm lý sáng tạo của cá nhân, cộng đồng được “kích hoạt” thì hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản

văn hoá phi vật thể sẽ đạt được nhiều thành công và ngược lại. Với ý nghĩa như vậy, việc nghiên cứu tâm lý sáng tạo của cá nhân, cộng đồng trong việc thực hành di sản văn hoá phi vật thể là vô cùng quan trọng.

Sáng tạo là hoạt động có mục đích của con người mang tính xã hội, nhằm tạo ra những sản phẩm vật chất hoặc tinh thần. Hoạt động sáng tạo tạo ra sự phát triển không ngừng, giúp con người giải phóng chính mình và nâng cao năng suất, hiệu quả lao động; tạo ra sự phát triển toàn diện của xã hội, sự thay đổi từ lĩnh vực này đến lĩnh vực khác, chuyển xã hội từ nấc thang này đến nấc thang khác trong sự phát triển. Xét trong hoạt động tâm lý người thì sáng tạo là một quá trình tâm lý. Xét dưới góc độ nhân cách, sáng tạo lại là một thuộc tính tâm lý rất đặc trưng của cá nhân. Các yếu tố cơ bản thuộc về tâm lý quyện chặt vào việc chuẩn bị, ấp ủ cảm hứng và kiểm chứng để một giải pháp nào đó được ra đời và được công nhận một cách hợp lý, hợp lệ⁴.

Từ góc độ thực hành di sản văn hoá phi vật thể nói riêng và văn hóa nói chung, có thể nhận thấy, quá trình mỗi cá nhân, cộng đồng thực hành di sản văn hoá phi vật thể là hoạt động sáng tạo. Quá trình này diễn ra liên tục và đa dạng. Nghệ nhân, người thực hành di sản văn hoá phi vật thể được truyền dạy, kế thừa di sản văn hoá phi vật thể, rồi tiếp tục thực hành, trao truyền cho thế hệ kế tiếp. Quá trình thực hành là quá trình sáng tạo, bởi mỗi lần thực hành là một lần di sản văn hoá phi vật thể được biểu hiện ra khác nhau. Sự khác nhau này là do những tác động từ chính người nghệ nhân, người thực hành, do tâm lý của cá nhân và cộng đồng, không gian, thời gian, bối cảnh khác nhau tùy thuộc vào đó là cá nhân hay cộng đồng. Khác với các hoạt động văn hóa thông thường khác, quá trình sáng tạo trong việc thực hành di sản văn hoá phi vật thể là quá trình mà nghệ nhân, người thực hành lấy di sản văn hoá phi vật thể làm cơ sở và cảm hứng để sáng tạo ra các giá trị văn hoá phi vật thể phù hợp với đời sống mà nghệ nhân, người thực hành đang sống, thường không khác biệt quá nhiều so với di sản văn hoá phi vật thể mà họ được kế thừa, đôi khi sản phẩm sáng tạo có thể mang những giá trị văn hóa mới dựa trên cảm hứng từ di sản văn hoá phi vật thể mà họ được kế thừa.



Hầu đồng (đền Tiên La - Thái Bình) - Ảnh: Nguyễn Thúc

Quá trình sáng tạo của cá nhân, cộng đồng liên quan tới động cơ của sự sáng tạo, bao gồm động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Động cơ bên trong có thể được hiểu là các nhân tố trong mỗi cá nhân và trong gia đình đang nắm giữ truyền thống văn hóa đó. Động cơ bên ngoài là những nhân tố nằm bên ngoài nghệ nhân và gia đình họ hoặc ngoài cộng đồng. Khi một cá nhân được sinh ra, lớn lên trong gia đình có truyền thống thực hành văn hóa, thì cá nhân đó luôn được khuyến khích, khích lệ hoặc một mặt nào đó là “sức ép” kế tục truyền thống để thực hành, kế thừa truyền thống văn hóa của gia đình, dòng tộc. Họ được tiếp cận các truyền thống văn hóa đó ngay từ khi còn nhỏ. Ở một góc độ nào đó, họ còn được truyền thừa những tinh túy về kỹ năng, kỹ thuật, bí kíp gia truyền mà những người ngoài khó có được. Điều này cũng cho thấy, ở một tỷ lệ cao nào đó, họ sẽ trội hơn người khác trong

việc nắm bắt, thực hành các truyền thống văn hóa liên quan. Điều này đã được chứng minh khá rõ trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Cộng đồng, cá nhân sáng tạo ở góc độ thực hành di sản văn hóa phi vật thể thường bị tác động bởi các yếu tố liên quan tới môi trường gồm: gia đình, trường học/giáo dục, câu lạc bộ, hiệp hội nghề nghiệp và cộng đồng làng, xã hội...

Quá trình tiếp nhận, thực hành, sáng tạo của nghệ nhân sẽ tạo ra trữ lượng văn hóa truyền thống riêng có ở mỗi người. Người được gọi là nghệ nhân thường có trữ lượng văn hóa cao cả về chất và lượng, thường được biểu hiện qua:

1- Di sản văn hóa phi vật thể được các nghệ nhân đi trước truyền lại thông qua phương pháp trực tiếp (cầm tay chỉ việc), qua trí nhớ, thực hành,... Vì các sản phẩm văn hóa truyền thống phù hợp với xã hội truyền thống mà nó được thực hành nên khi tiếp nhận để thực hành thì người nghệ nhân/người tiếp nhận cũng “biến tấu” sao cho phù hợp với xã hội họ đang sống, để phục vụ nhu cầu của chính họ và của cộng đồng,... Sự

đa dạng về loại hình, hình thức biểu hiện của di sản văn hóa phi vật thể ở mỗi cộng đồng, dân tộc, địa điểm,... tạo ra sự đa dạng, độc đáo riêng có của mỗi nghệ nhân thuộc các cộng đồng, dân tộc, địa điểm,... khác nhau;

2- Khi nghệ nhân được truyền lại những di sản văn hóa phi vật thể từ thế hệ trước, họ sẽ bắt đầu sử dụng tư duy, kiến thức, thông tin được tiếp nhận, sao cho dễ dàng và không ngừng thực hành để nó thành thực hơn,... Họ không ngừng bồi đắp kỹ năng, kỹ thuật của bản thân, nhằm làm giàu, phong phú thêm những gì đã học được từ thế hệ trước. Đây là khác biệt giữa các cá nhân, phụ thuộc vào sự nắm bắt, trình độ tiếp nhận, cảm thụ và khả năng thực hành của mỗi cá nhân;

3- Đối với nghệ nhân, người được thừa hưởng, nắm giữ nhiều vốn tri thức truyền thống có khả năng ứng biến, ứng tác, vận dụng khá linh hoạt trong cách thể hiện/ thực hành di sản văn hóa phi

vật thể mình đang nắm giữ phù hợp với bối cảnh, môi trường mà nghệ nhân đang bị chi phối, liên hệ hoặc tương tác. Thường thì, những nghệ nhân uyên thâm về nghề sẽ mềm dẻo, linh hoạt hơn trong việc thực hành các kỹ năng, kỹ thuật so với những người nắm giữ ít vốn văn hóa, tri thức đó hơn. Tuy nhiên, trong một số trường hợp có tính đột biến, thì người nắm giữ ít hơn vẫn có thể có sự mềm dẻo, linh hoạt trong ứng tác hơn. Trường hợp này không quá phổ biến.

Tài năng của nghệ nhân, người thực hành còn được đánh giá thông qua sự thực hành một cách chi tiết, hoàn chỉnh, hoàn thiện của các ý tưởng, tình huống, giải pháp hay thao tác. Những nghệ nhân trong lĩnh vực trình diễn, như ca, hát, múa, đàn,... thường có các kỹ năng, kỹ thuật, ngón nghề điêu luyện, gây tác động/ấn tượng mạnh, trực tiếp tới người xem và được hưởng ứng, khích lệ. Nghệ nhân trong lĩnh vực nghề thủ công được thể hiện qua sự khéo léo, chi tiết không chỉ trong quá trình tạo tác sản phẩm mà còn thể hiện ngay tại sản phẩm được tạo ra, như đường nét, hoa văn,..., độ tinh tế và tính thẩm mỹ.

Di sản văn hóa phi vật thể không nằm ngoài con người, nó được chính bản thân con người dưới góc độ là cá nhân, nhóm, cộng đồng nắm giữ và thực hành. Khi mỗi cá nhân, nhóm hay cộng đồng thực hành là quá trình tiếp nhận, sáng tạo và có thể là chuyển giao cho thế hệ kế tiếp. Họ là những người “kiến tạo xã hội mang màu sắc truyền thống”. Nói như vậy có nghĩa là: di sản văn hóa phi vật thể luôn sống cùng đời sống của con người; nó luôn chịu những tác động và có nguy cơ mai một, thất truyền bởi chính cá nhân, cộng đồng và quá trình toàn cầu hóa, đồng hóa văn hóa... Nếu nó không được nuôi dưỡng, thực hành thì sẽ gặp phải nguy cơ mai một, “đóng băng ở quá khứ”. Việc truyền dạy, thực hành di sản văn hóa phi vật thể sẽ giúp gìn giữ di sản phi vật thể sống, thay đổi và thích ứng với đời sống. “Để di sản văn hóa phi vật thể có thể sống và phát triển, chúng cần phù hợp với một nền văn hóa, phải được thường xuyên thực hành và chuyển giao giữa các thế hệ khác nhau trong cộng đồng”⁵.

Sáng tạo là năng lực và nhu cầu căn bản trong hoạt động xã hội của con người. Con người sinh ra và lớn lên luôn chịu những tác động từ các yếu tố tự nhiên, xã hội và để tồn tại, trước hết phải thích nghi

với các yếu tố ấy. Việc thích nghi để tồn tại này cũng là hoạt động sáng tạo của con người. Thích nghi/sáng tạo như thế nào sẽ quyết định quá trình và kết quả tồn tại của mỗi cá nhân, cộng đồng. Theo đó, quá trình thích nghi/sáng tạo là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi di sản văn hóa phi vật thể mà cá nhân hay cộng đồng đang nắm giữ./

P.C.Q

Chú thích:

- 1- Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, UNESCO.
- 2- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.
- 3- Tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, 2003.
- 4- Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học sáng tạo*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Tâm lý học, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 5- Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước năm 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Cục Di sản văn hóa (2007), *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, tập 1, H.
 - 2- Luật di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2009
 - 3- Nghị định 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.
 - 4- Tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, 2003.
 - 5- Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, 2003.
 - 6- Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hóa - Con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.
 - 7- Nguyễn Khoa Điềm (chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.
 - 8- Phạm Duy Đức (chủ biên) (2009), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 những vấn đề phương pháp luận*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.
 - 9- Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H.
 - 10- Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học sáng tạo*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Tâm lý học, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
- (Ngày nhận bài: 14/10/2016; ngày phản biện đánh giá: 28/10/2016; ngày duyệt đăng bài: 05/11/2016).